



ĐƯỜNG CHIM BAY

KHÔNG DẤU

Minh Tuệ Đỗ Minh
sưu tầm & chú thích



THIỆN QUÁN và
CÁCH NHÌN TOÀN DIỆN THỰC TẠI HAI TẦNG

ĐƯỜNG MÙ MẮT

M A R A



Những lời dạy của Đức Phật về

KHÔNG VÔ TƯỚNG GIẢI THOÁT

CHÌA KHÓA VÀNG

MỞ CÁNH CỬA THIÊN QUÁN TRUNG ĐẠO



MỤC LỤC

Lời nói đầu

PHẦN I

KHÔNG VÔ TƯỚNG TRONG KINH TẠNG PALI

1. Hư không không dấu chân
Ngoài đây không Sa môn (*Pháp Cú*) 5
2. Như chim giữa hư không
Hương chúng đi khó tìm (*Pháp Cú*) 7
3. Chạy xa sông một mình
Không thân ẩn hang sâu (*Pháp Cú*) 9
4. Như lý nhìn các pháp
Hiện rõ tánh trống không (*Tương Ứng*) 11
5. Hãy nhìn đời trống không
Thần chết không thấy được (*Kinh Tập*) 15
6. Hãy tu tập sự tu tập như hư không (*Trung Bộ*) 19
7. Người hiền trí phải là người hiểu biết Không giới (*Trung Bộ*) 25
8. Không hiểu biết Không giới là trí tuệ buông lung (*Trung Bộ*) 33
9. An trú không (*Trung Bộ*) 43
10. Không tác ý với tất cả tướng,
chứng đắc và an trú nội không (*Trung Bộ*) 51
11. Sắc hư không (*Trung Bộ*) 59
12. Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy (*Kinh Phật Tự Thuyết*) 67
13. Không tác ý với tất cả tướng,
chứng và trú Vô tướng tâm định (*Tương Ứng*) 71
14. Tác ý vô tướng,
chứng nhập Vô tướng tâm giải thoát (*Trung Bộ*) 73

15. Ác ma không thấy đường đi lối về (<i>Trung Bộ</i>)	76
16. Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung tướng riêng (<i>Trường Bộ</i>)	87
17. Không nương tựa, chấp trước bất cứ vật (tướng) gì ở trên đời (<i>Trường Bộ</i>)	119

PHẦN II

NHƯ LÝ TÁC Ý HAY HƯỚNG TÂM VỀ CỘI NGUỒN VÔ TƯỚNG TRONG KINH TẠNG PALI

Cội nguồn là gì	141
1. Như lý tác ý - Điềm tướng báo trước mặt trời mọc (<i>Tương ưng</i>)	142
2. Như lý tác ý - Viên mãn giác chi (<i>Tăng chi</i>)	143
3. Như lý tác ý - Thoát khỏi dòng phàm (<i>Tương ưng</i>)	144
4. Như lý tác ý - Chánh kiến tăng trưởng (<i>Tăng chi</i>)	145
5. Như lý tác ý - Lậu hoặc đoạn trừ (<i>Trung bộ</i>)	146
6. Như lý tác ý - Thiện nghiệp tiếp tục làm (<i>Tăng chi</i>)	147
7. Như lý tác ý - Từ bỏ bất thiện (<i>Tiểu bộ</i>)	147
8. Như lý tác ý - Diệu pháp không lu mờ (<i>Tăng chi</i>)	148
9. Phi như lý tác ý - Món ăn của các triền cái (<i>Tương ưng</i>)	149
10. Như lý tác ý - Món ăn cho các giác chi (<i>Tương ưng</i>)	156

PHẦN III

PHÁP LUẬN VỀ TÂM CỘI NGUỒN VÀ KHÔNG GIAN

1. Achan Chah.-	Tâm nguyên thủy cội nguồn	165
	<i>The natural state of the mind</i>	166
	Rỗng không – Không điềm tựa	167

	<i>Emptiness – No abiding</i>	168
	Cái biết không sinh không diệt	169
	<i>The knowing – not born not die</i>	170
2. Achan Maha Boowa.-	Cốt lõi của Tâm	171
	<i>The true essence of mind</i>	173
3. Eckhart Tolle.-	Không gian - Ngoài sao Trong vậy	175
	<i>Space – As without So within</i>	179
	Không gian và sự tĩnh mặc	182
	<i>Space and Stillness</i>	187
	Sự yên tĩnh và im lặng	191
	<i>Silence and Stillness</i>	198
4. Ajahn Brahm.-	Tĩnh giác im lặng	205
	<i>Silent Awareness</i>	209
5. Ajahn Sumedho.-	Ghi nhận không gian	213
	<i>Noticing Space</i>	223



LỜI NÓI ĐẦU

‘Thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe’, ‘khi mắt thấy sắc, khi tai nghe tiếng, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng ...’ Những lời Phật dạy cực kỳ đơn sơ này, hầu như ai tu cũng biết, muốn đưa chúng ta về sự hồn nhiên của tâm thức nhưng nghe sao ‘bí hiểm’ lạ thường. Biết bao người thực sự tu đã từng ‘đám nát cửa cuộc đời’ tìm câu giải đáp nhưng ‘cửa vẫn đóng và đời im im khóa’. Có ai ngờ chìa khóa nằm ngay trước mặt chúng ta, cánh cửa kho báu nằm ‘gần hơn hơi thở’.

Kính thưa bạn đọc,

Bây giờ mời bạn đặt sách xuống. Hãy đưa mắt nhìn quanh. Đừng hướng đến bất cứ đối tượng gì cụ thể. Bạn có thể ghi nhận được khoảng không gian giữa các vật thể không?, giống như công việc của người họa sĩ quan sát cảnh quan trước khi vẽ vậy. Không gian vô hình đang hiện diện trong căn phòng của bạn? Khoảng cách giữa bạn và đồ vật? Không khí bao bọc chung quanh người bạn? Hãy chú ý lắng nghe. Không phải nghe tiếng động cụ thể như tiếng xe, tiếng người, . . mà là nghe sự yên tĩnh đang trùm phủ khắp không gian trong tầm cảm nhận của bạn. Không khó để ghi nhận sự im lặng phải không? Bạn có thấy mình rất tỉnh thức không? Nhẹ nhàng? Thư thái? Tâm bạn có rộng không rộng thoáng? Chẳng có gì hay dở tốt xấu ở đây phải không? ... Bạn có ít nhiều rung động với lời kinh ‘thấy chỉ là thấy....’ khi xưa Phật dạy cho Tôn giả Bahiya và vua A Xà Thế mà chúng tôi có nói đến lúc đầu không? Nếu nhiều câu trả lời ‘Yes’ thì có thể bạn chính là ‘đất lành’ mà ‘Đường chim bay không dấu’ đang tìm đến làm quen và muốn kết thân với bạn đấy. Một chút nữa khi đọc đến phần nhắm mắt, có lẽ bạn sẽ đồng cảm thêm với câu nói cánh cửa kho báu nằm gần hơn hơi thở . Và chắc bạn không ngạc nhiên nhiều khi chúng tôi gọi tên của chìa khóa ấy là Không Vô Tướng.

Tập sách này gồm những bài kinh Đức Phật thuyết giảng về Không Vô Tướng trong kinh tạng Pali và tầm quan trọng của yoniso manasikara, như lý tác ý hay hướng tâm về cội nguồn được dịch Việt qua bàn tay tài hoa của Cố Hòa Thượng Thích Minh Châu. Ngoài lời Phật như một nền tảng lý thuyết tuyệt đối không thể thiếu đối với người tu Thiền, đọc giả còn thấy trong ‘Đường chim bay không dấu’ những bài pháp về kinh nghiệm thực chứng của các vị thiền sư lỗi lạc đương thời cùng những kỹ thuật thực hành đặt tâm hướng về Vô tướng ấy. Tất cả tài liệu ở đây đều có dẫn nguồn, người đọc muốn đi sâu vào pháp hành dễ dàng tìm được trên mạng internet. Người soạn, với công việc khiêm tốn của người ‘xâu chuỗi’ và giải thích một vài từ trong kinh Đại Niệm xứ, chỉ mong được giới thiệu với bạn lành một cách thiện xảo vào Trung đạo bằng một ‘chương trình Dhamma nghệ thuật’ vừa cổ điển vừa hiện đại với chủ đề Không Vô Tướng xuyên suốt từ cuối lên đầu.

Không gian, sắc hư không akasarupa hay không giới akasadhatu, cửa vào của đạo lộ được đề cập trong ba bài kinh Trung bộ 62, 115 và 140 ở phần I. Kinh 62, Đại kinh giáo giới Rahula, hơi thở phải được quán sát và ‘cảm nghiệm toàn thân’, đất nước lửa hòa trộn với gió ra, gió vào, chuyển động sinh diệt trên nền trống rỗng của ‘nội hư không giới’. Kinh 115 và 140, Kinh Đa giới và Phân biệt giới, người ‘hiền trí biết suy tư tìm hiểu’, ‘không buông lung trí tuệ’, phải là người ‘thiện xảo’ về 6 giới : địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Như vậy, hiểu biết về 6 giới rất căn bản như bảng cửu chương cho người học toán, nếu bị khiếm khuyết, tầm nhìn sẽ khập khiễng, lối vào cửa đạo chắc chắn gặp khó khăn. Còn trong Kinh Niệm xứ, Đức Phật ngày xưa giảng ở Kammasaddhamma, tại sao không dạy về không giới trong phần quán thân mà chỉ nói rằng ‘Tỷ kheo quán sát trong thân này về vị trí các giới và sự sắp đặt các giới. Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại’? Câu trả lời là với người Kuru, một tộc dân có trí tuệ cao sâu về tu tập, Ngài không cần phải giảng điều căn bản này như khi dạy cho vị sa di Rahula trẻ tuổi. Hội chúng Kuru đương nhiên hiểu rằng vị trí tứ đại nằm trong không giới, được sắp đặt giữa hư không trong tâm thân vật lý này.

Chỉ riêng với không giới này thôi, chưa nói đến sự vắng lặng, cao siêu của tâm thức sáng chói rỗng không, chúng ta cũng hiểu được một phần giáo pháp mà Đức Thế Tôn đã chứng ngộ khó nhận thức, khó lãnh hội như thế nào. Không giới, giới cốt tủy nhất và cũng là giới thường bị bỏ quên nhất. Bỏ quên không giới là bỏ quên phần quan trọng nhất của bức tranh hai chiều Có-Không hoàn hảo của thực tại. Có phải đây là lý do tại sao ‘ít người giữa nhân loại, đến được bờ bên kia’?

Thực tại hai tầng, twofold reality, gồm Vô tướng và Hữu tướng. Vô tướng là hư mà thực, hư vì không thể nhận biết bằng giác quan, thực vì không có tuổi thọ nên không già không chết, không diệt không sinh. Hữu tướng là thực mà hư, thực vì có thể nhận biết bằng giác quan, hư vì có tuổi thọ nên phải chịu sự chi phối của qui luật vô thường sinh diệt. Về sắc pháp, Vô tướng bên ngoài thân là chân không, là cội nguồn dung chứa Hữu tướng gồm ngũ trần, Sắc Thỉnh Khí Vị Xúc. Vô tướng bên trong thân cũng là hư không, là cội nguồn dung chứa Hữu tướng gồm ngũ căn, Nhãn Nhĩ Tỷ Thiệt Thân. Về danh pháp, Vô tướng là Tâm biết cội nguồn, thuần khiết. Hữu tướng là suy nghĩ, cảm xúc, hình ảnh, ... khởi sinh trên bề mặt của nền tâm cội nguồn, cốt lõi ấy. Hai chiều của Thực tại này - Thực tại tuyệt đối, vô vi giới, hay Không giới và thực tại tương đối, hữu vi giới hay Tứ đại giới – cũng đã được Phật giảng rõ ràng, trên trái đất này cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, trong kinh Trung bộ 115 : ‘Này, Ananda, có hai giới này: hữu vi giới và vô vi giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được hai giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: ‘Tỷ kheo thiện xảo về giới’. Như vậy, một người ‘khéo tu’ muốn thành tựu được pháp cao thượng chắc chắn phải có cái nhìn chính xác và toàn diện cả hai thực tại này, phân biệt đúng đâu là thực, đâu là hư để không phải đi lòng vòng ‘loanh quanh mỗi mết’.

Phải chăng không giới là chuẩn mực đầu tiên để xác định một người có trí hay không có trí ? Phải chăng người có tâm đặt theo hướng vô tướng này chính là người biết như lý tác ý ? Trong phần II của tuyển tập này, ngoài nguồn kinh điển trong tạng được chọn lọc về như lý tác ý, chúng tôi sẽ trình bày ý nghĩa gốc của cụm từ này theo nghĩa đen của từ ‘yoni’, cội nguồn (source, origin, foundation), dựa theo một số tài liệu của các vị thiền sư và học giả đáng tin cậy như Ajahn Brahm, Ajahn Sumedho và Rhys Davids and Steve. Nghĩa đen đơn giản của yoniso manasikara là hướng tâm về cội nguồn. Như vậy, trong pháp hành thiền quán, cội nguồn cần hướng về phải là không gian dung chứa sắc pháp sinh diệt bên ngoài và không gian dung chứa sắc pháp sinh diệt bên trong được kết nối bằng hơi thở, sau đó là cội nguồn trống rỗng chói sáng của tâm thức vô biên, dung chứa sự diệt sinh của danh pháp.

Nếu chiều vô biên vô lượng của vô tướng vi tế này không được ‘thấy biết’ bằng pháp nhãn, nếu chỉ thấy biết chiều hạn lượng hữu biên của hình tướng không thôi thì bức tranh tròn đầy hoàn hảo vốn sẵn có của thực tại sẽ không được cảm nhận đầy đủ khi tâm với nhục nhãn, nhục nhĩ, ... thật giới hạn, chỉ biết hướng về những đối tượng thô thiển của giác quan. Phải chăng đây chính là phi như lý tác ý? là không chọn chánh hướng tâm?

Nơi khởi sinh tham sân, phiền não, nơi Ác ma sáng mắt, thì chúng ta biết quá nhiều và quá rành, nhưng nơi ngược lại vẫn còn bí ẩn đối với phần đông. Khi tâm chỉ biết quán sát đối tượng, chúng ta có thể kinh nghiệm được tiến trình lý duyên khởi theo chiều thuận hay chiều sinh, xúc sinh thọ sinh, thọ sinh ái sinh, . . . nhưng nếu không thấy được chiều nghịch hay chiều diệt, xúc diệt thọ diệt, thọ diệt ái diệt, . . . thì không thể nói là ‘thấy Pháp’. Chiều diệt của lý nhân duyên chỉ khởi phát khi tâm cảm nhận được thêm sự trống rỗng, nơi rỗng không không có đối tượng. Vô tướng không thể có hai cực đoan, nơi không có gì để tham sân sanh khởi, nên hướng của vô tướng ‘không dấu chân’ trống rỗng chính là hướng ngược dòng, hướng trung đạo, hướng xuôi về viễn ly buông bỏ, hướng không có vết tích để Ác ma có thể dỗi mắt tìm theo. Tựa ‘Đường mù mắt Mara’ được chọn nằm trong ý nghĩa này.

Không gian vô hình vô tướng không dễ để ghi nhận, nhưng khi có thể ‘cảm’ được chiều kích ‘ẩn tàng’, chìm sâu’ và ‘tĩnh lặng’ này, chúng ta sẽ có được một góc nhìn quân bình, thuần tịnh từ một nơi không có tướng. Cách nhìn này giống như cách nhìn của loài chim khi bay trên cao hay cách vận hành của vệ tinh khi quan sát thời tiết khí tượng trên trái đất. Tâm không trú trên bất cứ ‘tướng chung, tướng riêng’ nào khi quan sát toàn diện tiến trình sinh diệt vô thường của danh sắc hữu vi : chuyển động của thân, rung động của thọ, dao động của tâm và vận hành của pháp. Chánh niệm an trú theo cách này là chánh niệm mang hình ảnh của mặt trời , vừa sinh động vừa bất động, vừa tỏa sáng vừa đứng yên. Đó cũng là tinh thần của câu kinh ‘Vị ấy không nương tựa, không chấp trước bất cứ vật (tướng) gì ở trên đời’, được lập lại 15 lần trong kinh

Đại niệm xứ. Và khi quán pháp, hành thiền với góc nhìn khách quan không dính mắc này, tiến trình buông bỏ, nhàm chán, ly tham sẽ tự động xảy ra.

Hư không vô biên lúc nào cũng có mặt, sẵn sàng chờ đón để ‘hội ngộ’ với chúng ta. Chỉ cần hướng tâm vào ‘hòn đảo vô sắc vô thanh’ đó, nhắc tâm một câu ‘Những gì đang rung động giữa không gian?’, rồi ‘gởi’ tâm về đó, chúng ta sẽ cảm nhận ngay được thế nào là sự diệu tuyệt của ‘Thiền quán vô chiêu’, không cần dùng chiêu thức của sức mạnh ‘cơ bắp’, chỉ cần tinh táo và khéo léo xử dụng ‘Trung đạo Vô tự chân kinh’ để ‘cách ly đối phương’, không phí sức, không mệt nhọc. Đó cũng là nghệ thuật cao nhất trong chiến tranh, không đánh mà thắng, bất chiến tự nhiên thành.

Tâm thiền quán phải là tâm mở rộng, không phải mở rộng đối tượng mà là mở rộng ‘bầu trời’ bao trùm tất cả các đối tượng đang xảy ra trong giây phút hiện tại. Đây chính là Chánh niệm, là tuệ tri, vì cái biết không có khái niệm chen vào để bóp méo thực tại, không bị pha tạp bởi sắc màu rối ren của vọng tưởng, hý luận. Tâm được đặt đúng theo hướng này rất dễ dàng nhận ra ‘bộ mặt thật’ của các pháp hữu vi.

Làm sao vào được sâu hơn Vô tướng Không môn? Chia khóa đã được trao trong Kinh Đại Niệm xứ, ‘an trú chánh niệm trước mặt’, parimukham satim upatthapetva, đơn giản và rõ ràng. Đức Phật của chúng ta bao giờ cũng giản đơn với nghĩa đen, sáng trong, dung dị! Trước mặt là ‘mặt tiền’, là gương mặt vật lý, cũng là gương tâm. Khi mắt khép lại, đặt trọn niềm tin vào tấm gương như ‘giao diện màn hình’ phản chiếu bóng hình của danh sắc hữu vi, như ‘đài kiểm soát trung ương’ tiếp nhận toàn bộ tín hiệu sinh diệt vô thường của thân thọ tâm pháp, ta sẽ hiểu được tức thời đây chính là đường trở về cội nguồn tâm, mái nhà thực sự có sẵn trong mỗi chúng ta. Một không gian vô biên. Một bầu trời vô tận. Một vàng trắng đang sáng dần, trong dần rộng mở. Không gian và vật thể. Bầu trời và mây xám mây đen. Khi khởi động, dùng hơi thở để an tịnh thân hành, cảm giác, cảm thọ của gương mặt vật lý sẽ ít nhiều rung động, gương tâm thức sẽ có khoảng tối khoảng mờ vì cảm xúc cảm nghĩ như mây chuyển ám che trắng. Chúng ta nhận ra đồng thời vừa có trắng vừa có mây, hiểu rằng trắng không sáng là vì mây nhiều vẩn vù. Từ đó, sẽ hiểu tầm quan trọng của ‘giữ gìn giới bản’, ‘thu thúc lục căn’, ‘tiết độ ăn uống’, ‘tri túc thiểu dục’... mà Đức Phật khuyên dạy người tu muốn thành công phải tuân thủ nghiêm ngặt những điều này. ‘Tàu vũ trụ tâm’ mang tên Giới Định Tuệ có rời khỏi mặt đất được hay không hoàn toàn tùy thuộc vào sự chắc chắn của ‘bệ phóng’ ban đầu. ‘Đầu xuôi đuôi lọt’, dù vẫn còn đó mây mù của nhân duyên quá khứ, nhưng đã chớm lấp lánh, thấp thoáng ánh sáng hy vọng về tương lai trong veo của vàng trắng cội nguồn nguyên thủy. Mờ đục giảm dần, sáng trong từ từ rõ, không chóng thì chày sẽ ‘đầu ngõ sương tan, cuối trời mây vén’.

Với tinh tấn thực hành, phiền não càng lúc càng suy yếu, ngôn từ, khái niệm càng ngày càng thưa, lòng tịnh tín về con đường sẽ tăng dần với hỷ lạc, trí tuệ, khinh an, khi trắng bắt đầu thoát khỏi mây là lúc Bát chánh đạo bắt đầu hiển lộ, đặc biệt là chi

phần Chánh định, samma samadhi. Nếu an trú chánh niệm trước mặt xuất hiện ở đầu kinh Đại Niệm xứ thì Chánh định nằm ở gần cuối bài, đoạn cuối cùng của đạo lộ giải thoát. ‘Này các Tỷ kheo, thế nào là Chánh định? Này các Tỷ kheo, ở đây Tỷ kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Tỷ kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỷ kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Chánh định.’ Chánh định luôn luôn được Đức Phật định nghĩa như thế này trong suốt tạng kinh, chỉ riêng Trung bộ 152 bài thì có 49 bài đều nói về Tứ thiền như vậy

Có gì khác biệt giữa phạm định và thánh định? Theo sự hiểu biết giới hạn của chúng tôi thì phạm định hay Tứ thiền hiệp thế, lấy đề mục hữu tướng làm đối tượng, còn Thánh định, Tứ thiền siêu thế, có đối tượng là Không gian vô tướng vô lượng của tâm thức vô biên. Phải chăng Thánh định chính là sự khám phá đặc biệt, khoáng hậu vô tiền, của một Vị Chánh Đẳng giác khi xuất hiện giữa thế gian? Nếu Thiền hiệp thế, mà Ngài học với hai vị thầy trước khi thành đạo, như ‘lấy đá đè cỏ’ thì Thiền siêu thế, do Ngài tự mình chứng ngộ, không thầy chỉ dạy như mở rộng không gian, cỏ cứ tự mọc tự rơi theo nhân duyên biến hiện giữa ‘vườn không’, cỏ đến cỏ đi, dần dần hết cỏ. Tâm vừa vắng lặng, vừa thuần tịnh, sáng trong,

Khi tâm không gian được tu tập, sẽ rất khó để thất niệm, vì bất cứ ở đâu, bất cứ khi nào, không khí, không gian cũng như hình với bóng cùng mỗi chúng ta và luôn luôn tâm có một chỗ trú rất an toàn. Hư không có thể là nơi tâm ‘ở’ được không? Nếu trả lời ‘có thể’ cũng không phải là không có lý. Tâm chúng sanh cõi vô sắc có phải nằm trong hư không? Hơn nữa, thuở xưa khi ‘trả lời’ câu hỏi ‘tâm ở đâu?’, bộ Patthana, tạng Vi diệu pháp, có ‘đáp’ rằng ‘Yam rupamnissaya’ (cứ nương theo sắc ấy mà tâm sanh khởi, mind occurs depending on that rupa). Hư không cũng là sắc pháp. nên dù chỉ với trí văn và trí tư, chưa cần trí tu để thực sự chứng nghiệm, chúng ta cũng ‘suy ra’ được rằng khi nương vào hư không, cả bên trong lẫn bên ngoài, tâm có thể sinh khởi và an trú ở đó. Về điểm này, nếu có cộm lên điều gì lẩn cán, xin người đọc cho qua, không vội tin cũng đừng vội bỏ vì chúng ta đang nói về điều ‘không thể nói’, vượt ngoài phạm vi của lý luận ngôn từ. Mọi chuyện thuộc ‘siêu hình’ chỉ có thể ‘giải mã’ bằng cách tu thôi, không cách nào khác hơn. Và khi ‘thiền nhãn’ được mở theo cách nhìn toàn cảnh này thôi, một ngày thấy pháp sinh diệt theo cách này thôi, hành giả sẽ thấy rằng kiếp sống này có ý nghĩa biết bao nhiêu.

Ngày nay, chiều sâu này của thực tại hai tầng – Không Có, Tĩnh Động, Ẩn hiện, Nổi chìm – đã được nhiều vị thầy kinh nghiệm, người mất người còn, nhưng những

kinh nghiệm đó vẫn tiếp tục được truyền tải qua những trang sách, bài giảng có giá trị tâm linh rất cao. Chính trí tuệ hợp lời Phật dạy của họ đã khơi nguồn cảm hứng cho chúng ta trở về rung động với sự thù diệu nguyên thủy của kinh xưa. Phần III là phần trích tuyển những bài pháp luận ngắn về không gian và cái biết thuần khiết cội nguồn của các Thiền sư Achan Chah, Achan Maha Boowa, Ajahn Sumedho, Ajahn Brahm, Eckhart Tolle, là năm trong số các vị thầy nói trên. Bốn vị Ajahns thì tên tuổi không lạ đối với những hành giả thiền quán, nhưng Eckhart Tolle thì rất đặc biệt, một người bình thường ngoài Phật giáo, hiện đang có ảnh hưởng rất rộng và sâu trong đời sống tâm linh của cộng đồng nhân loại. Có một điều rất lý thú mà chúng tôi nghe được trên internet : rất nhiều hành giả tu Phật khắp năm châu đã và đang có thể hiểu sâu hơn lời Phật qua sự thông thái rất gần Phật của Eckhart. Những vị thầy này có mặt trên đời, thấp sáng lại con đường đi theo dấu chân những bàn chân không dấu, giúp chúng ta trở về nguồn cội của tâm. Khi tâm ‘còn mãi ra đi’ rời xa cội nguồn thì thấy ‘không ai giống ai’, nhưng khi về lại được cội nguồn thì nhìn đời mắt không cách gì không thương được vì ‘ai cũng như ai’, ‘người nào cũng như người nấy’.

Dù tập sách này chỉ giới hạn trong ‘ngón tay’ kinh Pali nhưng đọc giả sẽ rất dễ nhận ra điểm tương đồng của nhiều truyền thống : bất lập văn tự, bản lai diện mục, đạo khả đạo phi thường đạo, ung vô sở trụ, ngọc sáng hoa sen, chân lý ở khắp mọi nơi, . . . và Không Vô tướng chính là nơi gặp gỡ chung của những ai cầu đạo, muốn tìm sự thật tối cao. Với người Phật tử chúng ta, niềm hãnh diện nhất vẫn là sự thừa hưởng trực tiếp giáo pháp rực sáng như mặt trời có một không hai của Đức Thế Tôn, lớn rộng như ‘dấu chân voi’, bao trùm tất cả dấu chân của các loài thú khác.

Con đường giải thoát bắt đầu từ ‘không có gì’ của hư không, dần dần rụng buông ngôn từ, khái niệm tục đế đậm đầy Ngã Chấp, lột bỏ chữ nghĩa che kín cội nguồn Vô Ngã thuần khiết nguyên sơ và kết thúc bằng ‘không còn gì’ của vô vi tịch diệt. ‘Đường chim bay không dấu, Đường mù mắt Mara’ như một món quà pháp cảm hứng về con đường này, xin trân trọng gửi đến những người bạn lành thiện trí khát khao với ‘vị mặn’ của diệu pháp và nhiệt tâm đi về hướng thoát khỏi bực lưu.

Xin dâng phước báu này lên Tam Bảo, những người Thầy, Cha Mẹ, gia đình nội ngoại hai bên, thân bằng quyến thuộc, bạn hữu đạo đời đã dạy dỗ, dìu dắt và hỗ trợ chúng tôi trên đường tu thoát khổ.

Chúng tôi rất mong nhận được sự khích lệ và chỉ giáo chân tình từ những bậc tiền bối cao minh.

Xin hồi hướng phước báu này đến Chư Thiên Hộ Trì Chánh Pháp. Cầu cho tất cả chúng sanh trên dưới gần xa, ba giới bốn loài, mười phương tám hướng cảm hội được lời vàng của Đấng Thiện Thệ Như Lai.

Đồng Nai, Việt Nam , tháng 11 . 2014

Cư sĩ Minh Tuệ Đỗ Minh

Email ; dominhvn@yahoo.com

**NAMO
TASSA
BHAGAVATO
ARAHATO
SAMMA SAMBUDDHASA**

